

## Chương 7: Các biện pháp an toàn thực phẩm và Kiểm dịch động thực vật (SPS)

### 1. TPP có quy định gì về việc sử dụng các biện pháp tiêu chuẩn kỹ thuật (TBT) và biện pháp an toàn thực phẩm, kiểm dịch động thực vật (SPS)?

Các biện pháp hàng rào kỹ thuật đối với thương mại (gọi tắt là TBT, hoặc tiêu chuẩn kỹ thuật) và các biện pháp an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật (còn gọi là biện pháp SPS) là vấn đề gắn liền với thương mại hàng hóa và có mặt trong hầu hết các FTA. Trong TPP, các vấn đề này được quy định trong 02 Chương tương ứng.

#### - *Chương TBT*

Chương TBT của TPP không cản trở quyền của các nước trong việc ban hành các tiêu chuẩn kỹ thuật của mình nhưng yêu cầu các nước phải tuân thủ các nguyên tắc của WTO về vấn đề này (ví dụ các tiêu chuẩn kỹ thuật phải dựa trên các căn cứ khoa học xác đáng, khi soạn thảo phải lấy ý kiến bình luận, khi áp dụng phải công bằng không phân biệt đối xử ...) và phải phù hợp với một số các yêu cầu về minh bạch mới được bổ sung trong TPP (ví dụ về thời gian lấy ý kiến tối thiểu, về độ trễ hợp lý giữa thời điểm ban hành và thời điểm có hiệu lực thi hành của tiêu chuẩn TBT mới...).

Đáng chú ý, TPP có thêm một số các cam kết mới khá chi tiết về quy trình đánh giá sự phù hợp và Phụ lục về các nguyên tắc trong ban hành các quy định liên quan tới hàng rào kỹ thuật của một số sản phẩm cụ thể.

#### - *Chương SPS*

Tương tự như Chương TBT, Chương SPS về biện pháp an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật (SPS) trong TPP nhắc lại các nghĩa vụ trong Hiệp định SPS của WTO. Hiệp định SPS không hạn chế quyền của các nước trong việc áp dụng các biện pháp SPS để bảo vệ sức khỏe của con người, động và thực vật trên lãnh thổ nước mình, nhưng yêu cầu các nước phải đảm bảo các biện pháp đó dựa trên các căn cứ khoa học hoặc theo các tiêu chuẩn, hướng dẫn, khuyến nghị quốc tế và phải được áp dụng ở mức cần thiết, không gây cản trở thương mại và không phân biệt đối xử giữa các sản phẩm trong nước và nước ngoài.

Chương SPS của TPP cũng mở rộng hơn các nghĩa vụ trong Hiệp định SPS của WTO về hợp tác và tham vấn kỹ thuật trong các vấn đề SPS; tăng cường minh bạch trong công nhận hệ thống quản lý và các biện pháp SPS của nhau, công nhận điều kiện vùng và khu vực (về tình hình sâu hại và dịch bệnh và thương mại), chứng nhận và kiểm tra nhập khẩu đối với hàng hóa nông sản thực phẩm nhập khẩu.

So với Chương TBT, Chương SPS trong TPP chứa đựng nhiều cam kết hơn ràng buộc các nước thành viên liên quan tới việc sử dụng biện pháp SPS trong các khía cạnh cụ thể.

## **Lưu ý với doanh nghiệp**

Theo những gì đã cam kết, có thể thấy TPP sẽ không làm thay đổi lớn cơ chế áp dụng TBT và SPS hiện tại ở các nước thành viên TPP. Do đó, sẽ không có thay đổi lớn về hàng rào TBT hay SPS của các nước TPP đối với hàng hóa xuất khẩu Việt Nam dưới tác động của TPP.

Doanh nghiệp không thể mong các nước TPP sẽ hạ bớt các tiêu chuẩn TBT, SPS khi thực hiện TPP, cũng không nên lo ngại rằng các nước TPP sẽ gia tăng quá mức về mức độ tiêu chuẩn hay số lượng các tiêu chuẩn TBT, SPS sau TPP.

## **2. Những cam kết mới về SPS trong TPP?**

TPP có các cam kết sâu hơn Hiệp định SPS của WTO về một số nội dung liên quan tới 04 khía cạnh sau:

### **(i) Về quy trình phân tích khoa học và rủi ro**

Các nước TPP cam kết thực hiện các yêu cầu sau:

- Các biện pháp SPS phải dựa trên các nguyên tắc khoa học, tiêu chuẩn, hướng dẫn và khuyến nghị quốc tế (các tổ chức xây dựng tiêu chuẩn quốc tế được WTO công nhận là CODEX, OIE và IPPC) hoặc dựa trên việc đánh giá rủi ro khách quan theo đúng yêu cầu của WTO;
- Việc đánh giá rủi ro phải được thực hiện minh bạch, có ghi chép lại và cho phép các chủ thể liên quan và các nước TPP cơ hội để bình luận;
- Việc đánh giá rủi ro phải được tiến hành phù hợp với bối cảnh rủi ro liên quan, đồng thời tính đến các dữ liệu khoa học, thông tin định tính, định lượng có liên quan;
- Nếu sau khi đánh giá rủi ro, nước nhập khẩu thông qua biện pháp SPS cho phép nhập khẩu, thì nước này phải áp dụng biện pháp đó trong một khoảng thời gian hợp lý;
- Biện pháp quản lý rủi ro không gây cản trở thương mại vượt quá mức cần thiết và phải tính đến điều kiện kinh tế và kỹ thuật liên quan.

### **(i) Thanh tra về SPS**

Đây là quy trình do nước nhập khẩu tiến hành, nhằm đảm bảo rằng hệ thống kiểm soát SPS của nước xuất khẩu đối với hàng xuất khẩu đáp ứng được các mục tiêu SPS của nước nhập khẩu (và do đó có thể kết quả kiểm soát SPS của nước xuất khẩu có thể được nước nhập khẩu chấp nhận/công nhận). Quy trình này bao gồm cả việc đánh giá cơ quan có thẩm quyền, hệ thống, chương trình giám sát và hạ tầng kỹ thuật của nước xuất khẩu.

TPP ghi nhận quyền thanh tra về SPS của các nước nhập khẩu và đòi hỏi các nước khi thực hiện việc thanh tra này phải đảm bảo một số yêu cầu nhất định, ví dụ:

- Việc thanh tra phải có hệ thống, và phải phục vụ việc đánh giá tính hiệu quả của việc kiểm soát SPS của cơ quan có thẩm quyền nước xuất khẩu;
- Trước khi tiến hành thanh tra, nước nhập khẩu và nước xuất khẩu phải thảo luận và quyết định về mục tiêu, phạm vi, tiêu chí, thủ tục và các bước thanh tra;
- Nước nhập khẩu phải cho nước xuất khẩu cơ hội để bình luận về các kết luận sau thanh tra;
- Nước xuất khẩu phải được thông báo bằng văn bản về kết quả thanh tra và phải được tạo cơ hội để góp ý kết quả này;
- Kết luận thanh tra cuối cùng phải dựa trên bằng chứng khách quan và số liệu xác thực.

**(ii) Về việc kiểm tra chuyên ngành SPS khi nhập khẩu**

Theo cam kết trong TPP, các nước TPP phải:

- Bảo đảm rằng việc kiểm tra của mình là dựa trên các nguy cơ gắn với việc nhập khẩu, quy trình kiểm tra nhanh chóng;
- Cung cấp các thông tin về quy trình, căn cứ, tần suất kiểm tra chuyên ngành SPS cho nước TPP khác nếu được yêu cầu cho nước Thành viên TPP khác;
- Bảo đảm rằng việc kiểm tra được tiến hành đúng phương pháp, thiết bị và theo các tiêu chuẩn áp dụng đối với phòng thí nghiệm quốc tế;
- Trong và sau quá trình kiểm tra nhập khẩu, nếu phát hiện sai phạm thì bên nhập khẩu phải thông báo đầy đủ thông tin cho bên xuất khẩu và cho phép bên xuất khẩu cơ hội góp ý đối với kết quả kiểm tra nhập khẩu cũng như cung cấp các thông tin liên quan cho quyết định cuối cùng.
- Nếu sau khi kiểm tra, nước nhập khẩu quyết định cấm hoặc hạn chế việc nhập khẩu hàng hóa liên quan thì phải thông báo kết quả kiểm tra cho ít nhất là người nhập khẩu, người xuất khẩu, nhà sản xuất hoặc Cơ quan có thẩm quyền của nước xuất khẩu trong vòng 7 ngày. Thông báo này phải bao gồm nguyên nhân cấm/hạn chế nhập khẩu, căn cứ pháp lý; hiện trạng của hàng hóa liên quan và cách thức xử lý, nếu có. Và quyết định cấm/hạn chế này phải được rà soát lại sau đó theo yêu cầu của nước xuất khẩu.

**(iii) Về biện pháp SPS khẩn cấp**

TPP cho phép các nước Thành viên được áp dụng các biện pháp SPS khẩn cấp cần thiết để bảo vệ tính mạng, sức khỏe của người, động, thực vật. Tuy nhiên khi áp dụng biện pháp này, nước áp dụng phải thông báo nhanh chóng cho các nước Thành viên khác. Trong vòng 6 tháng sau đó nước này phải rà soát lại căn cứ khoa học của biện pháp khẩn cấp và nếu sau rà soát vẫn tiếp tục duy trì biện pháp này thì phải định kỳ rà soát lại.



## **Lưu ý với doanh nghiệp**

Với khá nhiều các cam kết mới trong cách thức và điều kiện áp dụng các biện pháp SPS, theo xu hướng nâng cao hàm lượng khoa học, chứng minh và điều kiện vật chất trong áp dụng các tiêu chuẩn SPS, có thể thấy trong tương lai các nước TPP khi muốn sử dụng các biện pháp SPS sẽ phải tốn kém nhiều hơn về chi phí. Với những nước có trình độ phát triển, khoa học kỹ thuật cũng như kinh nghiệm còn thấp như Việt Nam, rõ ràng các ràng buộc này khiến cho không gian chính sách sử dụng các biện pháp SPS trong tương lai đã bị thu hẹp rõ rệt.

Do đó, các doanh nghiệp, Hiệp hội muốn đề xuất các cơ quan có thẩm quyền áp dụng các biện pháp SPS nhất định đối với hàng hóa nhập khẩu từ các nước thành viên TPP chắc chắn sẽ phải cùng các cơ quan liên quan nghiên cứu rất kỹ lưỡng để tránh vi phạm vào các yêu cầu bắt buộc về SPS trong TPP.